

Số: /BKHCN-KHTC

V/v xây dựng kế hoạch ngân sách năm 2023, kế hoạch tài chính - ngân sách 03 năm 2023-2025 của các đơn vị thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

Kính gửi: Các đơn vị dự toán thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ

Căn cứ Nghị định số 45/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chi tiết lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch – tài chính ngân sách nhà nước 03 năm,

Thực hiện Quyết định số 303/QĐ-BKHCN ngày 10 tháng 03 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành kế hoạch công tác trọng tâm năm 2022 của các đơn vị trực thuộc Bộ KH&CN,

Để chuẩn bị tổng hợp xây dựng dự toán ngân sách năm 2023, kế hoạch tài chính ngân sách 03 năm 2023-2025 gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Kiểm toán Nhà nước theo quy định, Bộ Khoa học và Công nghệ (KH&CN) hướng dẫn các đơn vị dự toán thuộc Bộ như sau:

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2022

1. Căn cứ đánh giá

1.1. Các văn bản chỉ đạo điều hành của cấp có thẩm quyền liên quan đến ngân sách nhà nước (NSNN) năm 2022, gồm:

a) Các Nghị quyết của Quốc hội: Nghị quyết số 32/2021/QH15 ngày 12 tháng 11 năm 2021 về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022, Nghị quyết số 34/2021/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2021 về dự toán ngân sách nhà nước năm 2022, Nghị quyết số 40/2021/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2021 về phân bổ ngân sách trung ương năm 2022;

b) Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;

c) Các Quyết định về giao dự toán NSNN, dự toán kế hoạch vốn đầu tư từ nguồn NSNN, gồm:

- Quyết định số 2047/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán NSNN năm 2022; Quyết định số 2048/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2022; các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ bổ sung ngân sách trong quá trình điều hành NSNN năm 2022.

- Quyết định số 2352/QĐ-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 và các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài chính bổ sung dự toán thu - chi trong quá trình điều hành NSNN năm 2022.

- Các Quyết định giao, bổ sung, điều chỉnh dự toán năm 2022 của Bộ trưởng Bộ KH&CN.

d) Các văn bản chỉ đạo điều hành của cấp có thẩm quyền có liên quan đến NSNN năm 2022, gồm:

- Các Nghị quyết của Chính phủ: số 01/NQ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2022 về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán NSNN năm 2022 và các Nghị quyết phiên họp thường kỳ Chính phủ hàng tháng.

- Các Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ: Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 29 tháng 7 năm 2019 về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025; Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 27 tháng 6 năm 2019 về xây dựng kế hoạch tài chính 5 năm giai đoạn 2021 - 2025.

- Thông tư số 122/2021/TT-BTC ngày 24 tháng 12 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán NSNN năm 2022.

đ) Tình hình thực hiện nhiệm vụ tài chính - ngân sách 03 năm 2020 - 2022; 6 tháng đầu năm 2022 và dự báo, giải pháp phấn đấu hoàn thành dự toán NSNN năm 2022 đã được các cấp có thẩm quyền quyết định.

e) Các kết luận, kiến nghị của các cơ quan chức năng đối với công tác cải cách thủ tục hành chính, thanh tra, kiểm toán, giải quyết khiếu nại tố cáo, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng chống tham nhũng khi tổ chức thực hiện thu, chi NSNN; yêu cầu tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính, chống thất thu ngân sách, thu hồi nợ thuế; kết quả thực hiện chính sách cải cách tiền lương.

2. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ thu NSNN, các khoản thu hợp pháp khác

a) Đánh giá căn cứ vào kết quả thu 6 tháng đầu năm, dự báo tình hình 6 tháng cuối năm để rà soát, đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến nguồn thu, kiến nghị các giải pháp điều hành nhằm phấn đấu hoàn thành vượt mức dự toán thu NSNN năm 2022 được giao và các kế hoạch đối với các nguồn thu hợp pháp khác.

b) Đánh giá tình hình thu phí và lệ phí theo quy định của Luật Phí và lệ phí, Luật Xử phạt vi phạm hành chính và các văn bản pháp luật có liên quan, trong đó:

- Dự kiến số phát sinh thu phí, lệ phí theo quy định trong năm 2022;

- Số thu phí được để lại, số thu phí nộp NSNN và kết quả thực hiện số thu phí được để lại với số đã thực hiện chi trong năm ngân sách.

Ngoài ra, đối với cơ quan, quản lý hành chính nhà nước, đề nghị báo cáo số phí được để lại chi (chi tiết số sử dụng cho chi thường xuyên và chi cho các chương trình, dự án đầu tư theo quy định); số còn dư đến hết năm 2022 (nếu có).

- Thu xử phạt vi phạm hành chính, thu phạt, tịch thu và các khoản nộp NSNN khác 6 tháng đầu năm và ước cả năm 2022.

c) Đánh giá các khoản thu dịch vụ sự nghiệp và các khoản thu hợp pháp khác của đơn vị (không thuộc danh mục phí, lệ phí theo quy định của Luật Phí và lệ phí).

- Dự kiến thu dịch vụ sự nghiệp và các khoản thu hợp pháp khác của đơn vị phát sinh trong năm 2022;

- Dự kiến kết quả thực hiện chi dịch vụ sự nghiệp và các khoản thu hợp pháp khác trong năm, số chuyển tiếp các năm sau.

3. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ chi đầu tư phát triển

a) Đánh giá việc triển khai và tổ chức thực hiện dự toán chi đầu tư phát triển:

- Tình hình lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư các dự án đầu tư công theo quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ;

- Thời hạn phân bổ và giao kế hoạch cho chủ đầu tư;

- Kết quả bố trí dự toán để thu hồi vốn ngân sách ứng trước và thanh toán nợ xây dựng cơ bản thuộc nguồn NSNN;

- Khó khăn, vướng mắc và kiến nghị điều chỉnh cơ chế, chính sách; kiến nghị trong tổ chức thực hiện.

b) Đánh giá tình hình thực hiện chi đầu tư phát triển:

Đánh giá giá trị khối lượng thực hiện, vốn thanh toán đến hết Quý II năm 2022, dự kiến khối lượng thực hiện và vốn thanh toán đến ngày 31 tháng 12 năm 2022, tỷ lệ giải ngân so với dự toán; khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân, kiến nghị.

c) Tổng hợp, đánh giá tình hình nợ đọng khối lượng đầu tư xây dựng cơ bản nguồn NSNN và thu hồi vốn ứng nguồn NSNN: số đến ngày 31 tháng 12 năm 2021; ước số xử lý trong năm 2022; dự kiến số nợ xây dựng cơ bản, số ứng còn đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 (chi tiết từng dự án).

d) Tình hình quyết toán dự án đầu tư hoàn thành, trong đó nêu rõ: số dự án đã hoàn thành nhưng chưa quyết toán theo quy định đến hết tháng 6 năm 2022 và dự kiến đến hết năm 2022; nguyên nhân và giải pháp xử lý.

4. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ chi thường xuyên

4.1. Đánh giá tình hình triển khai phân bổ, giao dự toán và thực hiện dự toán NSNN 6 tháng đầu năm và dự kiến cả năm 2022 theo từng lĩnh vực chi được giao.

4.2. Kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, các chương trình, dự án lớn; những khó khăn, vướng mắc và đề xuất biện pháp xử lý về cơ chế, chính sách trong tổ chức thực hiện, cụ thể:

a) Đối với các chế độ, chính sách: Đánh giá các chính sách, chế độ; kiến nghị bổ sung, sửa đổi các chính sách, chế độ không phù hợp với thực tế.

b) Đánh giá việc thực hiện tinh giản biên chế, đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy: Kết quả đạt được trong 6 tháng đầu năm, ước cả năm 2022 và tổng hợp lũy kế tình hình thực hiện đến hết năm 2022, theo từng mục tiêu, nhiệm vụ tại Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị Trung ương 6 Ban chấp hành Trung ương Khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17 tháng 4 năm 2015 của Ban Chấp hành Trung ương về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; Kết luận số 17-KL/TW ngày 11 tháng 9 năm 2017 của Bộ Chính trị về tình hình thực hiện biên chế, tinh giản biên chế của các tổ chức trong hệ thống chính trị năm 2015-2016, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp giai đoạn 2017-2021 và các văn bản liên quan của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; trong đó chi tiết:

- Số giảm biên chế, giảm đầu mỗi tổ chức bộ máy từng năm của đơn vị;
- Số kinh phí dành ra được do giảm biên chế, giảm tổ chức bộ máy từng năm;
- Số kinh phí phải bố trí từng năm từ NSNN để thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo các Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 về chính sách tinh giản biên chế (Nghị định số 108/2014/NĐ-CP); Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31 tháng 8 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP về chính sách tinh giản biên chế (Nghị định số 113/2018/NĐ-CP); Nghị định 143/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP và Nghị định số 113/2018/NĐ-CP; và Thông tư số 31/2019/TT-BTC ngày 05 tháng 6 năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc xác định nguồn kinh phí và việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế.

c) Thực hiện đổi mới khu vực sự nghiệp công:

- Các đơn vị chuẩn bị xây dựng phương án tự chủ theo hướng dẫn tại Điều 10 và Phụ lục 2 Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập. Bộ KH&CN sẽ có hướng dẫn chi tiết sau khi Thông tư hướng dẫn triển khai thực hiện Nghị định 60/2021/NĐ-CP của Bộ Tài chính được ban hành.

- Các đơn vị báo cáo kết quả và tình hình thực hiện cơ chế, chính sách về tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định 60/2021/NĐ-CP (thực hiện 6 tháng đầu năm, ước thực hiện 6 tháng cuối năm 2022).

- Chủ động đánh giá kết quả sắp xếp, đổi mới hệ thống và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị quyết số

19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị Trung ương 6 Ban chấp hành Trung ương Khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các ĐVSNCL, Nghị định 60/2021/NĐ-CP và các Nghị định của Chính phủ về cơ chế tự chủ trong các lĩnh vực sự nghiệp cụ thể trong 6 tháng đầu năm, ước cả năm và tổng hợp lũy kế tình hình thực hiện đến hết năm 2022.

- Đánh giá tác động của việc sắp xếp, đổi mới, nâng cao khả năng tự chủ theo từng năm (số kinh phí dành ra để thực hiện nhiệm vụ và tình hình sử dụng).

5. Đánh giá tình hình thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu và chương trình, dự án khác sử dụng nguồn vốn ngoài nước

5.1. Đối với các chương trình mục tiêu quốc gia (nếu có): đánh giá tình hình phân bổ, giao, thực hiện dự toán chi năm 2022; thuận lợi, khó khăn, vướng mắc trong triển khai thực hiện.

5.2. Đối với các chương trình, dự án khác sử dụng nguồn vốn ngoài nước:

Đánh giá tình hình phân bổ, giao, thực hiện dự toán chi năm 2022 so với mục tiêu, kế hoạch được giao (nếu có) hoặc kế hoạch thực hiện theo Hiệp định hoặc Thỏa thuận đã ký kết đối với các chương trình, dự án chi tiết theo từng nguồn vốn (vốn viện trợ ODA, vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi, vốn viện trợ phi chính phủ nước ngoài); cơ chế tài chính, những khó khăn, vướng mắc và đề xuất kiến nghị (nếu có).

6. Đánh giá tình hình đảm bảo kinh phí thực hiện điều chỉnh tiền lương

6.1. Đánh giá biên chế, quỹ lương ngạch bậc, các khoản phụ cấp theo lương và các khoản đóng góp theo chế độ quy định. Trong đó, đề nghị ghi chú:

- Phần quỹ lương ngạch bậc, các khoản phụ cấp, khoản đóng góp theo lương của các cơ quan, đơn vị theo quy định bảo đảm từ nguồn chi quản lý bộ máy hoặc từ nguồn khoán chi.

- Phần quỹ lương ngạch bậc, các khoản phụ cấp, khoản đóng góp theo lương của các đối tượng có hệ số lương, ngạch bậc từ 1,86 trở xuống.

6.2 Nguồn kinh phí đảm bảo thực hiện điều chỉnh tiền lương năm 2022, trong đó làm rõ:

- Nguồn kinh phí thực hiện điều chỉnh tiền lương chưa sử dụng hết năm 2021 và các năm trước còn lại chuyển sang năm 2022 (nếu có);

- Nguồn kinh phí tiết kiệm 10% chi thường xuyên dự toán năm 2022 tăng thêm so với dự toán năm 2021 (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương, khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ) để thực hiện điều chỉnh tiền lương đã giao năm 2022 (nếu có);

- Đối với đơn vị sự nghiệp công lập: sử dụng tối thiểu 40% số thu được để lại theo chế độ, phù hợp với lộ trình kết cấu chi phí vào giá, phí dịch vụ sự nghiệp công. Phạm vi trích số thu được để lại thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

- Dự kiến nguồn chưa sử dụng hết năm 2022 chuyển sang năm 2023 để tiếp tục thực hiện điều chỉnh lương cơ sở (nếu có).

II. XÂY DỰNG DỰ TOÁN NSNN NĂM 2023

1. Yêu cầu

1.1. Dự toán NSNN năm 2023 được xây dựng theo đúng quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn Luật về quy trình, thời hạn, thuyết minh cơ sở pháp lý, căn cứ tính toán, giải trình; đảm bảo phù hợp với tiến độ thực hiện đến hết 31 tháng 12 năm 2023; phù hợp với định hướng phát triển và mục tiêu, nhiệm vụ đề ra cho năm 2023 theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

1.2. Các đơn vị trên cơ sở đánh giá thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2022, bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 để xác định nhiệm vụ trọng tâm thực hiện trong năm 2023, chủ động sắp xếp các khoản chi và thứ tự ưu tiên thực hiện các nhiệm vụ, chương trình, dự án, đề án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo mức độ cấp thiết, quan trọng và khả năng triển khai thực hiện năm 2023 trên cơ sở nguồn NSNN được phân bổ và các nguồn huy động hợp pháp khác.

1.3. Việc xây dựng dự toán thu, chi NSNN năm 2023 phải theo đúng các quy định của pháp luật về quản lý thu, chi ngân sách; trên cơ sở nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ dự toán NSNN; quán triệt chủ trương triệt để tiết kiệm, chống lãng phí ngay từ khâu lập dự toán.

2. Xây dựng dự toán thu NSNN

2.1. Nguyên tắc chung

Các đơn vị ước số thu phí, lệ phí thực hiện năm 2022, dự kiến những yếu tố tác động đến số thu năm 2023 để xây dựng dự toán thu phù hợp, tích cực, cụ thể theo từng khoản thu phí, lệ phí (chi tiết tổng số thu, số được để lại chi theo chế độ đối với từng lĩnh vực chi tương ứng, số nộp NSNN theo quy định).

Riêng các cơ quan quản lý hành chính nhà nước dự kiến số phí được để lại chi theo quy định (chi tiết dự kiến việc sử dụng cho chi thường xuyên và không thường xuyên theo quy định, chi cho các chương trình, dự án đầu tư đã được phê duyệt - nếu có, theo phân kỳ năm 2023 và tiến độ triển khai thực tế).

Đối với khoản thu học phí và các khoản thu dịch vụ, sự nghiệp (không thuộc danh mục phí theo quy định của Luật Phí và lệ phí), các khoản thu chuyển sang cơ chế giá dịch vụ không thuộc nguồn thu NSNN và các khoản thu hợp pháp khác, các đơn vị có thu ước lượng số thu năm 2023, lập dự toán riêng và xây dựng phương án sử dụng theo quy định.

2.2. Xây dựng dự toán thu viện trợ không hoàn lại:

Căn cứ các hiệp định, thỏa thuận viện trợ ODA và viện trợ phi chính phủ nước ngoài đã ký kết; tiến độ thực hiện và giải ngân vốn của các chương trình, dự án sử dụng vốn viện trợ nước ngoài trong 6 tháng đầu năm 2022 và dự kiến đến hết năm

2022; các đơn vị xây dựng dự toán thu viện trợ không hoàn lại năm 2023 phù hợp với các hiệp định, thỏa thuận đã ký kết và sát thực tiễn.

Đối với các khoản viện trợ phát sinh từ năm 2022 trở về trước chưa được giao dự toán, các đơn vị cần rà soát, báo cáo Bộ KH&CN (thông qua Vụ Kế hoạch - Tài chính nếu là viện trợ nguồn chi thường xuyên, và qua Văn phòng Bộ nếu là viện trợ nguồn chi đầu tư phát triển) để tổng hợp, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư (đối với vốn viện trợ cho đầu tư phát triển) hoặc Bộ Tài chính (đối với vốn viện trợ cho chi thường xuyên) để xem xét đưa vào kế hoạch giao dự toán viện trợ năm 2023 làm cơ sở ghi thu, ghi chi theo quy định.

Các đơn vị chỉ được chi từ nguồn viện trợ không hoàn lại khi có dự toán thu được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Xây dựng dự toán chi NSNN

3.1. Xây dựng dự toán chi ĐTPT:

Dự toán chi ĐTPT nguồn NSNN cần chi tiết theo các lĩnh vực chi phù hợp với quy định của Luật NSNN và sắp xếp các dự án theo thứ tự ưu tiên: (i) bố trí đủ dự toán năm 2023 để đảm bảo thanh toán hết nợ xây dựng cơ bản và thu hồi hết số vốn ứng trước của các dự án đầu tư trong kế hoạch đầu tư công trung hạn; (ii) bố trí đủ theo nhu cầu vốn trong phạm vi kế hoạch đầu tư công trung hạn của các dự án hoàn thành trong năm 2023; (iii) bố trí vốn đầy đủ theo phân kỳ thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia; (iv) bố trí đủ vốn đối ứng các dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài; (v) chỉ bố trí cho các dự án khởi công mới nếu còn nguồn và đầy đủ thủ tục đầu tư theo quy định.

Đối với công tác lập quy hoạch: Thực hiện theo quy định của Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017, Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ về triển khai thi hành Luật quy hoạch và Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch.

3.2. Xây dựng dự toán chi thường xuyên:

a) Căn cứ nhiệm vụ chính trị, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023, các đơn vị xây dựng dự toán chi thường xuyên cho từng lĩnh vực chi theo mục tiêu, nhiệm vụ được giao năm 2023, đảm bảo đúng chính sách, chế độ, định mức chi NSNN, đảm bảo đúng tính chất nguồn kinh phí, đáp ứng các nhiệm vụ chính trị quan trọng, thực hiện đầy đủ các chính sách, chế độ Nhà nước đã ban hành, triệt để tiết kiệm.

Dự toán chi mua sắm, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản phải căn cứ quy định về tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng tài sản nhà nước hiện hành; hạn chế mua trang thiết bị đắt tiền, hạn chế tối đa tổ chức hội nghị, lễ hội, hội thảo, khánh tiết, công tác nước ngoài chưa cấp thiết.

Việc xây dựng dự toán kinh phí sửa chữa, bảo dưỡng cơ sở vật chất cần thực hiện theo hướng dẫn quy định tại Thông tư số 65/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 7 năm

2021 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công.

b) Dự toán chi hoạt động năm 2023 của cơ quan quản lý nhà nước gắn với mục tiêu sắp xếp lại tổ chức bộ máy và tinh giản biên chế.

- Thực hiện tinh giản biên chế với mức giảm biên chế năm 2023 theo quyết định của cấp thẩm quyền hoặc theo Đề án tinh giản biên chế được duyệt (nếu có).

- Ước tính tác động của sắp xếp bộ máy, tinh giản biên chế đến NSNN, gồm: (i) kinh phí dành ra đối với các cơ quan hành chính từ giảm chi NSNN do sắp xếp tổ chức bộ máy (giảm chi hoạt động bộ máy, chi cơ sở vật chất...); giảm chi NSNN do giảm biên chế (giảm chi quỹ lương, giảm chi thường xuyên,...); (ii) nhu cầu kinh phí thực hiện các chính sách tinh giản biên chế theo chế độ, chính sách hiện hành.

c) Dự toán chi hoạt động năm 2023 của các đơn vị sự nghiệp công lập xây dựng trên cơ sở phương án tự chủ đã được phê duyệt; mục tiêu, nhiệm vụ tinh giản biên chế của các tổ chức trong hệ thống chính trị theo Kết luận số 17-KL/TW; các mục tiêu về đổi mới đơn vị sự nghiệp công theo Nghị quyết số 19-NQ/TW, Nghị định số 60/2021/NĐ-CP; chi tiết việc triển khai từng mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể, mức giảm dự toán gắn với việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ trong năm 2023. Cụ thể:

- Mức giảm biên chế năm 2023 được xác định theo quyết định của cấp thẩm quyền (nếu có), hoặc theo Đề án tinh giản biên chế được duyệt hoặc mức giảm tối thiểu/năm đối với từng nhóm cơ quan tương ứng theo Kết luận số 17-KL/TW.

- Việc đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế tự chủ tài chính và tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định 60/2021/NĐ-CP.

- Phấn đấu tăng mức độ tự chủ chủ tài chính; giảm số hợp đồng lao động không đúng quy định trong các đơn vị sự nghiệp công lập (trừ những đơn vị đã bảo đảm tự chủ tài chính).

- Ước tính kinh phí dành ra đối với từng mục tiêu, chi tiết giảm chi con người, chi hoạt động bộ máy, giảm chi gắn với lộ trình tăng giá, phí dịch vụ sự nghiệp công và chuyển nhóm đơn vị tự chủ...; cũng như nhu cầu kinh phí thực hiện các chính sách tinh giản biên chế theo quy định tại Thông tư 31/2019/TT-BTC và các chế độ, chính sách hiện hành.

d) Một số lưu ý thêm khi xây dựng dự toán NSNN năm 2023:

- Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ: Xây dựng dự toán chi trên cơ sở phê duyệt của cấp có thẩm quyền đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia, cấp bộ, cấp tỉnh, cấp cơ sở, dịch vụ công sử dụng NSNN và nhiệm vụ khác. Đối với dự toán kinh phí hỗ trợ cho các đơn vị sự nghiệp khoa học công nghệ công lập, xây dựng dự toán theo quy định tại Nghị định 60/2021/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Việc xây dựng dự toán chi sự nghiệp khoa học và công nghệ được thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn số 683/BKHCN-KHTC ngày 31 tháng 3 năm 2022 của

Bộ KH&CN hướng dẫn xây dựng kế hoạch khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và dự toán ngân sách KH&CN năm 2023.

- Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể: Thuyết minh rõ các nội dung sau:

+ Số biên chế được giao năm 2023 (trường hợp chưa được giao biên chế, thì xác định bằng số được cơ quan có thẩm quyền giao năm 2022 trừ đi (-) số biên chế phải tinh giản năm 2023 theo mức giảm tối thiểu/năm đối với từng khối cơ quan, đơn vị quy định tại Kết luận số 17-KL/TW (hoặc theo Đề án tinh giản biên chế được cấp có thẩm quyền phê duyệt), trong đó làm rõ số biên chế thực có mặt đến thời điểm lập dự toán, số biên chế chưa tuyển theo chỉ tiêu được duyệt năm 2022.

+ Xác định Quỹ lương ngạch bậc, các khoản phụ cấp theo lương và các khoản đóng góp theo chế độ quy định theo mức lương cơ sở 1,49 triệu đồng/tháng (tính đủ 12 tháng) do NSNN đảm bảo, bao gồm: (i) Quỹ tiền lương của số biên chế thực có mặt tính đến thời điểm lập dự toán (trong phạm vi biên chế được duyệt), được xác định trên cơ sở mức lương theo ngạch, bậc, chức vụ; phụ cấp lương và các khoản đóng góp theo chế độ; (ii) Giảm quỹ tiền lương gắn với tinh giản biên chế; (iii) Quỹ tiền lương của số biên chế được duyệt nhưng chưa tuyển hoặc dự kiến tuyển trên cơ sở mức lương cơ sở 1,49 triệu đồng/tháng, hệ số lương 2,34/biên chế và các khoản đóng góp theo chế độ.

+ Thuyết minh cơ sở xây dựng dự toán các khoản chi đặc thù (cơ sở pháp lý, nội dung chi, mức chi, các nội dung liên quan khác) của năm 2023 trên tinh thần tiết kiệm, hiệu quả.

3.3. Đối với các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn ODA (bao gồm vốn vay và viện trợ), nguồn vốn vay ưu đãi và viện trợ phi chính phủ nước ngoài:

Căn cứ quy định của Luật NSNN, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý nợ công và các văn bản hướng dẫn thi hành, căn cứ Hiệp định đã ký với nhà tài trợ, tiến độ khả năng thực hiện dự án năm 2023, trong phạm vi hạn mức vốn ngoài nước trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn; trên cơ sở cơ chế tài chính của các chương trình, dự án, các đơn vị thực hiện lập dự toán các chương trình, dự án có sử dụng vốn ngoài nước, chi tiết vốn vay nợ nước ngoài (bao gồm vay ODA, vay ưu đãi), vốn viện trợ, vốn đối ứng; phân định theo tính chất chi ĐTPT, chi thường xuyên; ưu tiên bố trí đủ kế hoạch vốn cho các dự án kết thúc hiệp định trong năm kế hoạch, đối với các chương trình, dự án mới, chỉ triển khai nếu thực sự hiệu quả, phù hợp với khả năng giải ngân theo Hiệp định đã ký và Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

3.4. Lập dự toán kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế

Việc lập dự toán kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế năm 2022 theo quy định tại Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP, Nghị định 143/2020/NĐ-CP, Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chế độ, chính sách đối với cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan

của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

3.5. Lập dự toán kinh phí thực hiện chính sách cải cách tiền lương

Thực hiện tiết kiệm 10% dự toán chi thường xuyên tăng thêm (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương, các khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ) gắn với chủ động sắp xếp các nhiệm vụ chi thường xuyên; một phần nguồn thu được để lại theo chế độ quy định; nguồn thực hiện cải cách tiền lương các năm trước còn dư;

Nguồn chi thường xuyên dành ra gắn với thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW, bao gồm cả nguồn dành ra do thực hiện sắp xếp lại tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế và thực hiện tăng tính tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập trên cơ sở tăng nguồn thu sự nghiệp và các nguồn thu khác.

3.6. Dự toán chi từ nguồn thu phí được để lại theo chế độ, chi từ nguồn thu sự nghiệp và các nguồn thu hợp pháp khác:

Các đơn vị lập dự toán chi từ nguồn thu phí được để lại theo chế độ, chi từ nguồn thu sự nghiệp, dịch vụ và các nguồn thu hợp pháp khác (nếu có), kèm theo các tài liệu thuyết minh, căn cứ (các quyết định, chỉ thị, nghị quyết,... giao nhiệm vụ), báo cáo cấp có thẩm quyền theo biểu mẫu quy định tại Thông tư 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP.

Dự toán chi từ nguồn thu phí được để lại theo chế độ, chi từ nguồn thu sự nghiệp và các nguồn thu hợp pháp khác (nếu có) được xây dựng độc lập, không tổng hợp chung vào dự toán chi NSNN của đơn vị.

4. Xây dựng kế hoạch tài chính của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách

Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách phải lập báo cáo tình hình thu - chi tài chính năm 2022 và dự kiến kế hoạch thu - chi tài chính năm 2023 của quỹ. Trong đó, thuyết minh chi tiết về số dư, số phát sinh thu từ NSNN cấp, từ huy động, tài trợ,...; số chi cho hoạt động của Quỹ, chi cho quản lý và hỗ trợ, tài trợ nhiệm vụ; tình hình biến động về vốn điều lệ, nguồn vốn hoạt động và các văn bản pháp luật mới ban hành liên quan đến quỹ (nếu có); đánh giá hiệu quả hoạt động, các khó khăn, vướng mắc phát sinh và kiến nghị giải pháp xử lý.

III. LẬP KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH - NGÂN SÁCH 03 NĂM 2023 - 2025

1. Yêu cầu lập kế hoạch tài chính – ngân sách 03 năm 2023 - 2025

1.1. Trên cơ sở cập nhật kế hoạch tài chính - ngân sách 03 năm 2022 - 2024, căn cứ các trần chi tiêu giai đoạn 2023 - 2025 do cơ quan tài chính, kế hoạch và đầu tư thông báo, dự toán ngân sách năm 2023 theo hướng dẫn tại Chương II Công văn này, các đơn vị xây dựng kế hoạch tài chính - ngân sách 03 năm 2023 - 2025 theo hướng dẫn tại Nghị định số 45/2017/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết lập kế

hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - ngân sách 03 năm và Thông tư số 69/2017/TT-BTC ngày 07 tháng 7 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - ngân sách 03 năm.

Trường hợp nhu cầu chi của các đơn vị trong các năm 2023 - 2025 tăng, giảm mạnh so với dự toán năm 2022 đã được giao và ước thực hiện năm 2022, lớn hơn khả năng nguồn lực tài chính - ngân sách mà cơ quan tài chính, đầu tư cập nhật, thông báo cho kỳ 3 năm 2023 - 2025; các đơn vị thuyết minh, giải trình, có các giải pháp huy động thêm các nguồn lực tài chính ngoài ngân sách, đảm bảo các nhu cầu chi phải cân đối được nguồn lực thực hiện.

1.2. Việc lập, báo cáo, tổng hợp và trình kế hoạch tài chính - ngân sách 03 năm 2023 - 2025 được tiến hành đồng thời với quá trình lập dự toán NSNN năm 2023.

2. Lập kế hoạch thu 03 năm 2023 - 2025

2.1. Đối với các khoản thu phí, lệ phí nộp ngân sách và để lại chi theo quy định, các đơn vị căn cứ số dự kiến thu năm 2023 để xây dựng kế hoạch thu năm 2023 - 2025 phù hợp, tích cực, cụ thể theo từng khoản thu phí, lệ phí theo quy định (số thu, số được để lại chi theo chế độ chi tiết các lĩnh vực chi tương ứng, dự toán chi từ số thu được để lại, số nộp NSNN).

Các cơ quan quản lý nhà nước dự kiến số phí được để lại theo cơ chế đặc thù, chi tiết việc sử dụng cho chi thường xuyên theo quy định, chi các chương trình, dự án đầu tư nguồn phí để lại chuyển tiếp từng năm trong giai đoạn 2023 - 2025.

2.2. Đối với các khoản thu sự nghiệp, dịch vụ (không thuộc danh mục phí và lệ phí), các khoản thu chuyển sang cơ chế giá dịch vụ không thuộc nguồn thu NSNN và các khoản thu hợp pháp khác: các đơn vị lập kế hoạch thu và xây dựng phương án sử dụng để gửi Vụ Kế hoạch - Tài chính giám sát và tiếp tục thực hiện cơ chế tạo nguồn từ khoản thu này để cải cách tiền lương theo quy định.

3. Lập kế hoạch chi NSNN 03 năm 2023 - 2025

3.1. Kế hoạch chi NSNN 03 năm 2023 - 2025 của các đơn vị được lập trên cơ sở cập nhật kế hoạch tài chính - ngân sách 03 năm 2022 - 2024, số ước thực hiện năm 2022, dự toán năm 2023 được lập theo hướng dẫn trên đây; trong đó thuyết minh cụ thể các mục tiêu, nhiệm vụ, chương trình, đề án, dự án đã hết thời gian thực hiện/mới được cấp thẩm quyền phê duyệt, đặc biệt lưu ý việc triển khai các Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 Khóa XII.

3.2. Trong quá trình xây dựng dự toán chi NSNN năm 2023, các đơn vị đồng thời xác định chi tiết chi tiêu cơ sở, chi tiêu mới của đơn vị mình năm dự toán 2023 theo quy định tại Điều 5 và Điều 6 Thông tư số 69/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính để làm căn cứ xác định chi tiêu cơ sở, chi tiêu mới và tổng hợp nhu cầu chi ĐTP, nhu cầu chi thường xuyên trong kế hoạch chi năm 2023 - 2025.

3.3. Đối với năm 2024 - 2025:

a) Việc lập kế hoạch chi ĐTPT căn cứ vào tiến độ thực hiện các chương trình, dự án, nhiệm vụ đầu tư chuyển tiếp/đã được phê duyệt chủ trương, quyết định đầu tư; gắn với việc thực hiện các mục tiêu chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực, các định hướng đổi mới, phát triển nền kinh tế.

b) Việc lập kế hoạch chi từ nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi, nguồn vốn viện trợ phi chính phủ nước ngoài tiếp tục theo các Hiệp định, thỏa thuận vay và cơ chế tài chính đã được cấp thẩm quyền phê duyệt.

c) Lập kế hoạch chi thường xuyên năm 2024 - 2025:

Lập kế hoạch chi tiết việc triển khai các mục tiêu, nhiệm vụ, chính sách, chế độ còn hiệu lực/hết hiệu lực; các mục tiêu, nhiệm vụ, chế độ, chính sách mới đã được cấp thẩm quyền phê duyệt. Gắn với thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW, thực hiện lập dự toán tương tự Đề án tinh giản biên chế được phê duyệt (nếu có), hoặc hàng năm giảm bình quân 2,5%, cộng thêm số chưa thực hiện được của giai đoạn trước năm 2023 (nếu có) số biên chế sự nghiệp hưởng lương từ NSNN.

IV. HỆ THỐNG BIỂU MẪU

1. Về xây dựng kế hoạch và dự toán NSNN năm 2023: áp dụng các mẫu biểu quy định tại Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP.

2. Về xây dựng kế hoạch tài chính - ngân sách 03 năm 2023 - 2025: áp dụng các mẫu biểu từ số 01 đến số 06 và mẫu biểu từ số 13 đến số 19 ban hành kèm theo Thông tư số 69/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - ngân sách 03 năm.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các đơn vị dự toán thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ

- Thực hiện theo hướng dẫn tại công văn này và gửi kế hoạch ngân sách năm 2023 và kế hoạch tài chính - ngân sách 03 năm 2023 - 2025 về Vụ Kế hoạch - Tài chính **trước ngày 20 tháng 6 năm 2022**.

- Đối với các Văn phòng chương trình: đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ ngân sách nhà nước năm 2022 và giai đoạn 2020 - 2022; xây dựng kế hoạch ngân sách 2023 và kế hoạch tài chính - ngân sách 03 năm 2023 - 2025 đối với các nhiệm vụ cấp quốc gia do Văn phòng mình quản lý và phần kinh phí hoạt động chung của Văn phòng gửi về Vụ Kế hoạch - Tài chính **trước ngày 20 tháng 6 năm 2022**.

2. Văn phòng Bộ Khoa học và Công nghệ

Trên cơ sở Công văn số 683/BKH-CN-KHTC ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Bộ KH&CN hướng dẫn xây dựng kế hoạch khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và dự toán ngân sách KH&CN năm 2023, hướng dẫn tại công văn này và các văn bản liên quan, Văn phòng Bộ hướng dẫn các đơn vị thuộc Bộ thực hiện, gửi Văn phòng

Bộ đề tổng hợp đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ ngân sách nhà nước năm 2022 và giai đoạn 2020 - 2022; xây dựng kế hoạch ngân sách 2023 và kế hoạch tài chính - ngân sách 03 năm 2023 - 2025 đối với: nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở, hỗ trợ chi thường xuyên, nhiệm vụ cấp bộ khác, tăng cường trang thiết bị, sửa chữa chống xuống cấp, nhiệm vụ chi sự nghiệp môi trường, sự nghiệp giáo dục và đào tạo, văn hóa – thông tin, các nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chi đầu tư phát triển của các đơn vị trực thuộc theo các mẫu biểu quy định tại Thông tư số 342/2016/TT-BTC; Thông tư số 69/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - ngân sách 03 năm gửi Vụ Kế hoạch - Tài chính **trước ngày 30 tháng 6 năm 2022**.

3. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ KH&CN trực tiếp chỉ đạo việc xây dựng kế hoạch và dự toán NSNN năm 2023 và lập kế hoạch tài chính - ngân sách 03 năm 2023 - 2025 đảm bảo nội dung và tiến độ nêu trên./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng (để p/h chỉ đạo);
- Lưu: VT, KHTC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lê Xuân Định